

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 219/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-6-2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Xong Pha;

Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D sống chung năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị D không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Lê Thị D đúng theo quy định pháp luật nhưng chị không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị D có nơi trú tại ấp Đường Cuốc, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị D nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D đã được tòa án triệu tập xét xử đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/5/2018 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa, anh D xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với chị D.

[3] Về con chung: Anh D xác định giữa anh và chị D không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc D với chị Lê Thị D.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004615 ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Anh Nguyễn Quốc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp